

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2024/HS-ST
Ngày: 20 - 6 -2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Đình Hoàng
2. Ông Nguyễn Văn Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhó - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Giáp Văn T (tên gọi khác: B), sinh năm 1997 tại Gia Lai; nơi thường trú: Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Thôn 2, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giáp Văn H (đã chết) và con bà Mai Thị Thanh T; vợ Nguyễn Thị Cẩm T và có 01 con. Tiền sự: Không; Tiền án: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/01/2024 đến ngày 07/02/2024, sau đó bị tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thị Thanh T, sinh năm: 1975; địa chỉ: 30 Nguyễn Duy T, thôn 2, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người chứng kiến: Ông Lê Đình L, sinh năm: 1952; địa chỉ: Thôn 2, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giáp Văn T sử dụng chất ma túy (loại Methamphetamine) từ khoảng thời gian cuối năm 2023. Thông qua các mối quan hệ xã hội, T có số điện thoại của 01 đối tượng tên Th (không rõ thân nhân, lai lịch) là người có bán chất ma túy. Vào khoảng 22 giờ ngày 29/01/2024, T gọi điện cho Th hỏi mua ma túy, Th đồng ý và hẹn giao dịch tại khu vực vòng xoay Chư Á thuộc xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau đó, T đi xe ôm của một người đàn ông (không rõ thân nhân, lai lịch) đến chỗ hẹn gặp và mua của Th 02 gói nilon bên trong có chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể, với giá 1.200.000 đồng. Mua được ma túy, T cất giấu vào trong người rồi mang về nhà tại số 30 đường Nguyễn Duy T, Thôn 2, xã A, thành phố P, với mục đích để sử dụng dần và T đã lấy một phần ma túy để sử dụng; phần còn lại, T cất giấu vào trong ốp điện thoại di động nhãn hiệu OPPO với mục đích để sử dụng sau. Đến 09 giờ ngày 30/01/2024, khi T đang ở nhà thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra về ma túy - Công an T phố P phối hợp với Công an xã A phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng; thu giữ bên trong ốp điện thoại di động hiệu OPPO của Giáp Văn T02 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể (đã tiến hành niêm phong theo quy định) cùng chiếc chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh – đen (có ốp màu đỏ - cam – nâu) kèm sim số (mặt sim có dãy số 8984 04800 03152 25429).

Qua xét nghiệm, xác định: Giáp Văn T dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine.

Qua giám định, tại bản Kết luận giám định số 208/KL-KTHS ngày 07/02/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: “Chất màu trắng dạng tinh thể trong 02 (hai) gói nilon được niêm phong trong bì công văn (mô tả tại mục Mẫu cần giám định) là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 0,2665 gam”.

* Vật chứng vụ án, gồm:

+ Chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định. Trong 01 bì dán kín ghi số 208/PC09 ngày 07/02/2024, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh- đen, kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 8984 04800 03152 25429).

+ 01 (một) ốp điện thoại màu đỏ - cam - nâu.

Tại Bản Cáo trạng số 124/CT-VKS ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Giáp Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối

với bị cáo Giáp Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Giáp Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Giáp Văn T với mức án từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định trong 01 bì công văn ghi số 208/PC 09 ngày 07 tháng 02 năm 2024 có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai; tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh – đen, kèm thẻ sim (điện thoại cũ, đã qua sử dụng) và 01 ốp điện thoại màu đỏ-cam-nâu (cũ, đã qua sử dụng).

Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Giáp Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Giáp Văn T thừa nhận hành vi bị truy tố, không có ý kiến phản đối về tội danh và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 22 giờ ngày 29/01/2024 tại khu vực vòng xoay C thuộc xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Giáp Văn T đã mua 02 gói ma túy của đối tượng tên Th không rõ nhân thân, lai lịch, sau khi mua T đem về nhà sử dụng một ít, phần còn lại T cất giấu trong ốp điện thoại di động mục đích để sử dụng. Đến khoảng 09 giờ ngày 30/01/2024 khi đang ở nhà thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra

tội phạm về ma túy-Công an thành phố P phát hiện bắt quả tang.

Tại bản kết luận số 208/KL-KTHS ngày 07/02/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai kết luận: chất màu trắng dạng tinh thể trong 02 gói nilon trong bì công văn niêm phong gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,2665 gam. Hành vi của bị cáo Giáp Văn Tũn phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo về tội này là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng và là gánh nặng cho gia đình và xã hội. Do đó cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, răn đe, giáo dục, đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm về ma túy, loại tội phạm ảnh hưởng lớn đến trật tự, an toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, các đặc điểm về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

[7] Về vật chứng: Các chất ma túy hiện đang thu giữ thuộc loại cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh - đen (điện thoại cũ, đã qua sử dụng), kèm thẻ sim và 01 ốp điện thoại đã cũ không còn giá trị sử dụng bị cáo khai sử dụng để liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[8] Đối với đối tượng tên Th là người mà bị cáo T khai là đã bán ma túy: Do bị cáo T không biết được nhân thân, lai lịch; Cơ quan điều tra đã tiến hành mở danh bạ, nhật ký trong chiếc điện thoại đã thu giữ của bị cáo T nhưng không xác định được số điện thoại của đối tượng Th và không có nội dung tin nhắn liên quan đến việc mua bán ma túy; Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành xác minh tại địa

bàn xã C nhưng không xác định được đối tượng Th có liên quan đến ma túy. Do đó, chưa có căn cứ để điều tra, xử lý; Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xử lý sau là có căn cứ.

[9] Đối với bà Mai Thị Thanh T là mẹ của bị cáo T là chủ căn nhà số 30 Nguyễn Duy T, thôn 2, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai, việc bị cáo T cất giấu ma túy và sử dụng ma túy tại nhà thì bà T không biết nên không có căn cứ để xử lý là đúng.

[10] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[11] Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Giáp Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Giáp Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 30/01/2024).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định trong 01 bì công văn ghi số 208/PC 09 ngày 07 tháng 02 năm 2024 có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai; tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh - đen (điện thoại cũ, đã qua sử dụng), kèm thẻ sim và 01 ốp điện thoại màu đỏ-cam-nâu (cũ, đã qua sử dụng).

Các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 121/2024 ngày 13/5/2024 giữa Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Giáp Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân T phố P;
- Công an T phố P;
- Nhà tạm giữ Công an T phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu